

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 18-TC/ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 6 năm 1992

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành Quyết định số 186/HĐBT ngày 31/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về đền bù thiệt hại đất nông nghiệp, đất có rừng khi chuyển sang sử dụng vào mục đích khác

Căn cứ Quyết định số 186/HĐBT ngày 31/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng về đền bù thiệt hại đất nông nghiệp, đất có rừng khi chuyển sang sử dụng vào mục đích khác; Sau khi tham khảo ý kiến của Tổng cục quản lý ruộng đất, Bộ Nông nghiệp và CNTP, Bộ Lâm nghiệp và các Bộ, ngành có liên quan; Bộ Tài chính hướng dẫn thêm một số điểm như sau:

I- VỀ ĐỐI TƯỢNG CHỊU ĐỀN BÙ THIẾT HẠI:

Những tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp, đất có rừng để sử dụng vào mục đích khác, không phân biệt đất trước khi giao thuộc tổ chức, cá nhân nào sử dụng, phải đền bù thiệt hại đất nông nghiệp, đất có rừng cho Nhà nước; cụ thể là:

- Các đơn vị sản xuất - kinh doanh, dịch vụ thuộc tất cả các ngành kinh tế (Trung ương hoặc Địa phương), không phân biệt thành phần kinh tế.
- Các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan quản lý kinh tế, các cơ quan hành chính-sự nghiệp ở Trung ương và Địa phương, đơn vị lực lượng vũ trang - an ninh - quốc phòng, các đoàn thể, Hội quần chúng, tổ chức xã hội và các tổ chức, cá nhân khác .
- ..

Riêng cá nhân người nước ngoài, các tổ chức liên doanh giữa Việt nam và nước ngoài đầu tư vào Việt nam được sử dụng hợp pháp đất nông nghiệp, đất có rừng

vào mục đích khác thì không áp dụng Quyết định 186/HĐBT ngày 31/5/1990 và Thông tư hướng dẫn này.

Ngoài tiền đền bù thiệt hại đất cho Nhà nước , các tổ chức và cá nhân sử dụng đất nông nghiệp, đất có rừng vào mục đích khác, còn phải bồi thường thiệt hại hoa màu, tài sản . . . cho chủ sử dụng hợp pháp đất nông nghiệp, đất có rừng theo quy định của Luật đất đai.

II- VỀ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC GIẢM HOẶC MIỄN ĐỀN BÙ THIẾT HẠI.

1/ Đối tượng được giảm đền bù thiệt hại:

Căn cứ vào mục tiêu, tính chất, quy mô sử dụng đất cho các loại công trình giao thông (đường sắt, đường bộ), công trình thủy lợi mà áp dụng mức giảm cho phù hợp như sau:

Loại công trình	Mức giảm (%)
1. Đường giao thông sắt bộ (bao gồm cả tỉnh lộ và huyện lộ)	50
2. Công trình thủy lợi	
Công trình cố định loại lớn	50
Công trình cố định loại trung bình	30
Công trình cố định loại nhỏ	20

Diện tích được xét giảm mức đền bù thiệt hại đối với đất nông nghiệp, đất có rừng chuyển sang xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi nói trên là diện tích để xây dựng công trình, hạng mục công trình trực tiếp như đường sá, cầu cống, kênh mương, hồ đập thủy lợi, thủy điện . . .

Những diện tích lưu không, trụ sở làm việc, nhà ga, bến xe và các công trình phụ trợ khác thuộc công trình giao thông thủy lợi và các công trình khác đã nêu trên không được tính giảm định mức đền bù thiệt hại.

2/ Đối với công trình trọng điểm, quan trọng có tính chất quốc gia thuộc các ngành giao thông, thủy lợi, năng lượng, xi măng, thăm dò khoáng sản tài nguyên sử dụng diện tích đất nông nghiệp, đất có rừng mà mức đền bù làm tăng tổng dự toán công

trình quá lớn thì cơ quan chủ quản đầu tư trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định mức giảm hoặc miễn tiền đền bù đất đai.

III- PHẠM VI ĐẤT NÔNG NGHIỆP, ĐẤT CÓ RỪNG CHUYỂN SANG SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH KHÁC VÀ MỨC ĐỀN BÙ:

1/ Đất nông nghiệp, đất có rừng là loại đất đã được xác định theo Luật đất đai của Hội đồng Nhà nước công bố ngày 8/01/1988.

2/ Căn cứ để xác định mức đền bù thiệt hại:

a. Diện tích đất phải đền bù thiệt hại là diện tích đất được xác định trong quyết định giao đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

b. Chất lượng đất

- Đất nông nghiệp: chất lượng nông nghiệp được xác định căn cứ vào hạng đất tính thuế nông nghiệp, cụ thể như sau:

Hạng đất	Năng suất trung bình hàng năm tính bằng kg thóc trên 100 m ² đất
I	Từ 50 kg trở lên
II	Từ 40 kg đến dưới 50 kg
III	Từ 30 kg đến dưới 40 kg
IV	Từ 25 kg đến dưới 30 kg
V	Từ 20 kg đến dưới 25 kg
VI	Từ 15 kg đến dưới 20 kg
VII	Từ dưới 15 kg

- Đất có rừng: chất lượng đất có rừng được phân loại theo Luật bảo vệ và phát triển rừng (Lệnh số 58 LCT/HĐNN8 ngày 19/8/1991 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước công bố Luật bảo vệ và phát triển rừng), cụ thể như sau:

Loại rừng	Đặc tính rừng
1. Rừng đặc sản	Rừng thông và rừng giàu, trong đó gỗ nhóm I có trữ lượng từ 20 m ³ /ha trở lên
2. Rừng giàu	Trữ lượng gỗ từ 100 m ³ /ha trở lên